

Bản án số: **14/2021/HS-ST**

Ngày: **04/02/2021**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Duy T**, tên gọi khác: không; Sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và cư trú: khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Bố đẻ: Trần Viết T1; sinh năm 1971 (đã chết); Mẹ đẻ: Đinh Thị T2; sinh năm 1969; hiện lao động tự do và trú tại khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1994; Con: có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/10/2020 cho đến nay.

**- Người bị hại:** anh Phạm Văn N, sinh năm 1987 địa chỉ cư trú: xóm 6, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Lưu Ngọc Thanh, văn phòng luật sư Hoàng Gia Thành, đoàn luật sư Hà Nội.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** anh Trần Duy T, nơi cư trú: khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Người làm chứng:** anh Đinh Văn L - vắng mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị V - có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 09/8/2020, tại quán Karaoke T thuộc khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn N cùng Đinh Văn L gặp Trần Duy T ở quán

hát. Do L quen biết T nên trong khi uống nước nói chuyện biết L và N đang chờ thuê phòng nên T có ý kiến muốn nhường phòng hát cho nhóm của L. Khi nghe thấy vậy thì N nói “thích thì cướp cần gì phải nhường”, sau đó xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau giữa N và T, được mọi người can ngăn nên T đi ra ngoài đường Quốc lộ 12B trước cửa quán hát. Một lúc sau, T vào quán để gọi nhóm của mình đi về, khi đến cách cổng quán hát khoảng 05-07m thì N từ trong quán đi ra dùng tay đấm vào mặt T 03 đến 04 phát khiến T lùi lại, ngã ở tư thế quỳ chân trái, tay trái đang cầm điện thoại chống xuống đường làm màn hình điện thoại bị vỡ. T đứng dậy lao tới đấm N khoảng 02 phát vào vùng mặt khiến N ngã ra đường. Sau đó T dùng tay trái quàng cổ N rồi tiếp tục dùng tay phải đấm 02 đến 03 phát vào vùng đầu N, khi đó N nằm nghiêng trên mặt đường nên T tiếp tục dùng chân đá 02 đến 03 phát vào vùng mặt và đầu N, được mọi người can ngăn thì hai bên không đánh nhau nữa.

Hậu quả: Trần Duy T bị thương ở vùng mặt, xây xát đầu gối trái và khuỷu tay trái tự điều trị tại nhà; Phạm Văn N bị thương vùng đầu, mặt được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện huyện Kim Sơn sau đó chuyển bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình để điều trị đến ngày 19/8/2020 ra viện.

Quá trình điều tra Trần Duy T đã tự nguyện giao nộp 01 đôi dép loại một quai đế nhựa màu đen, quai màu nâu, chiếc dép bên trái bị đứt 01 bên chỉ còn một bên dính trên dép.

Ngày 08/9/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 171 để xác định tỷ lệ % tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích của anh Phạm Văn N. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/2020/Th.T-TTPY ngày 18/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thay đổi sắc tố da vùng trán, trên ngoài mắt phải, gò má phải; lún vỡ xương trán; tụ máu dưới màng cứng liềm đại não không còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là 27%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày cứng trực tiếp gây nên.

Ngày 29/9/2020, anh Phạm Văn N đã có đơn đề nghị khởi tố, xử lý đối với hành vi của Trần Duy T.

Về xử lý vật chứng: cơ quan điều tra đã chuyển 01 đôi dép loại một quai đế nhựa màu đen, quai màu nâu, chiếc dép bên trái bị đứt 01 bên quai chỉ còn một bên dính trên dép đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phạm Văn N yêu cầu bị cáo Trần Duy T bồi thường số tiền 149.000.000đ bao gồm tiền bồi thường sức khỏe, tinh thần bị tổn hại; chi phí điều trị; chi phí đi lại; tiền công lao động của bản thân và người chăm sóc trong thời gian điều trị thương tích.

Trần Duy T yêu cầu Phạm Văn N bồi thường số tiền 21.850.000đ bao gồm tiền bồi thường sức khỏe, tinh thần bị tổn hại; tiền công lao động trong thời gian điều trị thương tích; chi phí mua thuốc điều trị và tiền sửa chữa điện thoại của bản thân bị hư hỏng. Trần Văn T đã nộp trước để bồi thường số tiền 15.000.000đ cho Phạm Văn N, các bên chưa thống nhất được mức bồi thường nên vấn đề dân sự chưa giải quyết được.

Bản cáo trạng số 11/ VKS ngày 08/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”
- Căn cứ theo điểm Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51 và 36 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước.
- Căn cứ Điều 47, 48 BLHS; Điều 585, 586, 589 BLDS; Điều 106, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14
- + Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép loại một quai đế nhựa màu đen, quai màu nâu, chiếc dép bên trái bị đứt 01 bên quai chỉ còn một bên quai dính trên dép.

+ Đối với yêu cầu đòi bồi thường của bị hại N là 149.000.000đ thì chỉ công nhận: Xe cấp cứu và xe đi về khám chữa bệnh: 8 lượt x 500.000đ = 4.000.000đ; Chi phí điều trị cả Bệnh viện tỉnh, Bệnh viện Tâm thần, Bạch Mai, Việt Đức có đầy đủ hóa đơn: = 9.992.100đ; Tiền công người chăm sóc bị mất: 27 ngày x 250.000đ = 6.750.000đ; Tiền công lao động của N: 27 ngày x 300.000đ = 8.100.000đ; Tiền bồi thường tổn hại về sức khỏe, tinh thần bị tổn hại tương ứng 27% sức khỏe bị tổn hại: 20.115.000đ. Tổng cộng: 48.957.100đ. Tính lỗi của N là 33,3%, của T là 66,6% gây ra thiệt hại cho N nên N chỉ được bồi thường: 32.605.428đ (làm tròn 32.605.400đ) - 15.000.000đ T đã nộp trước N được bồi thường: 17.605.400đ. Đối trừ nghĩa vụ của N 4.830.000đ với T thì N được bồi thường thêm: 12.775.400đ;

+ Đối với yêu cầu đòi bồi thường của bị cáo T là 21.500.000đ thì chỉ công nhận: 2.980.000đ (2 tháng lương tối thiểu) tiền bồi thường sức khỏe tinh thần bị tổn hại; tiền sửa điện thoại 850.000đ; tiền mua thuốc điều trị 1.000.000đ. Tổng cộng 4.830.000đ.

+ Về án phí: Buộc bị cáo T nộp 200.000đ án phí Hình sự và 880.200đ án phí Dân sự sơ thẩm; N chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: nhất trí với quan điểm điểm của viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo nhưng không nhất trí quan điểm của kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, người bị hại cũng có một phần lỗi; đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Về bồi thường thiệt hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 165.500.000đ. Về bồi thường thiệt hại cho bị cáo chỉ chấp nhận khoản tiền thuốc và sửa chữa màn hình điện thoại là 1.850.000đ.

Bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo, không có ý kiến bào chữa không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm bồi thường do người bị hại yêu cầu không đúng thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật giải quyết, bị cáo sẽ thực hiện. Yêu cầu bị hại phải bồi thường phần thiệt hại gây ra cho bị cáo 21.850.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Duy T khai nhận hành vi của mình đã thực hiện chiều ngày 08/09/2020 như nội dung vụ án của tòa án đã nêu: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng còn phù hợp các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/2020/Th.T-TTPY ngày 18/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình.

Từ những chứng cứ đó đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 09/8/2020, tại đường QL 12B, trước cửa quán Karaoke T thuộc khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; xuất phát từ việc bị cáo T chủ động đề xuất nhường phòng hát tại quán cho L là bạn của bị cáo T đi cùng bị hại. Bị hại Phạm Văn N đã có những lời lẽ kích động dẫn đến việc đôi bên cãi nhau; sự việc đáng lẽ ra đã kết thúc khi được can ngăn và T bỏ ra khỏi khu vực; nhưng khi bị cáo T quay lại đưa bạn bè cùng người thân tại phòng hát về thì người bị hại đã chủ động gây sự, xông đến đánh T gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bị cáo T; đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bị cáo T đánh lại gây thương tích cho bị hại.

Bị cáo Trần Duy T là người bị bị hại N có hành vi gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản trước; đã có hành vi đánh lại chống trả ban đầu tương xứng khi bị N đánh; tuy nhiên khi bị hại N ngã xuống không còn khả năng chống cự, hành vi xâm hại của bị hại N đối với bị cáo đã chấm dứt, bị cáo còn dùng chân đá vào đầu bị hại nhiều cái là nguyên nhân chính dẫn đến thiệt hại 27% sức khỏe của bị hại N. Do đó hành vi của bị cáo Trần Duy T đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp “*tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11 % đến 30%*” quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của công dân được pháp luật bảo hộ, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi nhận thức rất rõ xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của công dân là vi phạm pháp luật; vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại cho rằng kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, người bị hại cũng có một phần lỗi là không có căn cứ.

Nhưng căn cứ vào chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì: lời khai của người làm chứng là bạn thân của bị hại xác định bị hại chủ động gây sự trước, có hành vi dùng tay chân đánh bị cáo T làm bị cáo ngã xuống đường làm vỡ màn hình điện thoại của bị cáo do bị đánh nên bị cáo mới đánh làm thiệt hại tới sức khỏe của bị hại N, vì vậy việc Kiểm sát viên xác định bị hại có một phần lỗi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là hoàn toàn chính xác.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa vì vậy việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS của Kiểm sát viên xác định là có căn cứ.

Căn cứ biên bản làm việc của cơ quan điều tra giữa bị cáo và bị hại được lưu trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị hại và bị cáo tại phiên tòa cho thấy: sau khi phạm tội chủ động liên lạc thỏa thuận nhằm khắc phục hậu quả xảy ra, do không thỏa thuận được mức bồi thường và bị hại không nhận một phần bồi thường do bị cáo gia, bị cáo đã chủ động nộp một phần tiền để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra cho cơ quan điều tra, hành vi này thể hiện bị cáo đã có trách nhiệm khắc phục hậu quả xảy ra vì vậy việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ

phục bồi thường thiệt hại quy định điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS của Kiểm sát viên xác định là có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì thấy rằng: Bị cáo Trần Duy T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; đã khắc phục bồi thường thiệt hại quy định điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị hại có một phần lỗi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo chưa có vi phạm pháp luật; bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS; Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo; đủ điều kiện đề Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 BLHS để xử lý đối với bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người nhận rõ lỗi lầm, chủ động khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[5] Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ việc xảy ra Trần Duy T đã chủ động liên lạc thỏa thuận bồi thường với bị hại N; mặc dù hai bên không thỏa thuận được mức bồi thường nhưng đã chủ động đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ nhưng bị hại từ chối nhận. Cả hai bên sau đó đều chủ động yêu cầu bên kia phải bồi thường cho mình những thiệt hại đã gây ra. Xét yêu cầu cụ thể của hai bên thì thấy rằng:

[5.1] Đối với yêu cầu đòi bồi thường của bị hại N yêu cầu bị cáo Trần Duy T bồi thường tổng số tiền 165.500.000đ thì thấy rằng:

[5.1.1] Về thiệt hại trực tiếp: chi phí điều trị trực tiếp là 9.992.100đ và chi phí thuê xe đi cấp cứu ban đầu, chi phí đưa đi khám tại bệnh viện Bạch Mai và đưa đi điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình là 4.000.000đ có hóa đơn chứng từ chứng minh được xem xét chấp nhận là 13.992.100đ.

[5.1.2] Về thiệt hại gián tiếp bị hại yêu cầu bồi thường thì thấy rằng: người bị hại có hai lần điều trị; lần đầu là tại bệnh viện tỉnh Ninh Bình từ 09/08/2020 đến 19/08/2020 ra viện do thương tích thân thể ổn định; lần hai do có hội chứng chấn động não sau khi bị đánh nên đến 28/09/2020 phải điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình đến ngày 13/10/2020 kết thúc điều trị. Tổng thời gian điều trị là 26 ngày.

Người bị hại cho rằng từ khi bị đánh 09/08/2020 đến 13/10/2020 bị hại không thể làm việc và trong suốt thời gian đó luôn phải có người chăm sóc nên yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền công bị mất là 70 ngày x 700.000đ/ngày = 49.000.000đ; công người chăm sóc người chăm sóc trong 70 ngày x 400.000đ/ngày = 28.000.000đ. Vấn đề này HĐXX thấy rằng ngay tại phiên tòa vợ bị cáo là người làm chứng cũng xác định sau khi điều trị đợt I về bị cáo tự chủ được trong sinh hoạt và ngày 16/9/2020 còn tự đi bệnh viện lấy thuốc điều trị được nên yêu cầu đòi 70 ngày công người chăm sóc không được chấp nhận mà chỉ chấp nhận công của người chăm sóc trong 26 ngày điều trị.

Đối với ngày công của bị cáo bị mất căn cứ trình bày của người bị hại thì sau khi điều trị đợt I về do hội chứng sau chấn động não nên bị cáo không làm được việc, tự điều trị nhưng không khỏi, phải đi khám tại bệnh viện Bạch Mai mới phát hiện ra bệnh và quay về điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình, lời

khai này phù hợp với các chứng cứ là hai bệnh án và giấy ra viện của hai cơ sở y tế đã điều trị cho bị hại - do đó có đủ căn cứ xác định thời gian bị hại không làm việc được từ 09/08 đến 13/10/2020 là 63 ngày sau khi ra viện còn được chỉ dẫn của bác sỹ nghỉ ngơi một thời gian do đó việc xác định 70 ngày không lao động được là phù hợp.

Về mức thu nhập của ngày công lao động bị hại đưa ra cho rằng thu nhập từ việc làm cắt tóc gội đầu, cho thuê bàn bia, bán tạp phẩm có thu nhập của bị hại là 700.000đ/ ngày và vợ là 400.000đ/ ngày nhưng không có căn cứ chứng minh kết quả xác minh của cơ quan điều tra đối với thu nhập cùng loại tại địa phương chỉ có 250 - 300 ngàn đồng / ngày. Do đó thu nhập của người chăm sóc được tính như sau  $300.000đ \times 26 \text{ ngày} = 7.800.000đ$ ; thu nhập bị mất của bị hại  $300.000đ \times 70 \text{ ngày} = 21.000.000đ$ . tổng hai khoản này là 28.800.000đ.

Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần phía bị hại đưa ra yêu cầu tối đa theo quy định của BLDS là 74.500.000; vấn đề này HĐXX thấy rằng: bị hại Phạm Văn N đã có những lời lẽ kích động dẫn đến việc đôi bên cãi nhau, chủ động gây sự, xông đến đánh T gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bị cáo T; đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bị cáo T đánh lại gây thương tích cho bị hại; mức độ thiệt hại sức khỏe của bị hại không phải là lớn nhất. Do đó đối với yêu cầu này HĐXX chỉ chấp nhận số tiền 15.000.000đ phần bồi thường thiệt hại về tinh thần và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe bị giảm sút của bị hại một lần.

Tổng cộng các khoản được HĐXX chấp nhận là 57.792.100đ. Bao gồm: chi phí điều trị; chi phí đi lại; tiền công lao động của bản thân và người chăm sóc trong thời gian điều trị thương tích; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe bị giảm sút; tiền bồi thường tinh thần bị tổn hại.

[5.2] Đối với yêu cầu đòi bồi thường của bị cáo Trần Duy T yêu cầu bị hại N bồi thường tổng số tiền 21.850.000đ thì thấy rằng: bị cáo bị người bị hại đánh đầu tiên, có bị làm tổn thương phần mềm, ngã làm vỡ màn hình điện thoại; bị cáo không đi điều trị tại cơ sở y tế mà tự điều trị ở nhà; bị cáo đưa ra yêu cầu bồi thường nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh mức độ thiệt hại như bị cáo yêu cầu; xét yêu cầu của bị cáo thì thấy rằng:

[5.2.1] Về thiệt hại trực tiếp: bị cáo bị người bị hại đánh làm tổn thương phần mềm, ngã làm vỡ màn hình điện thoại căn cứ chứng cứ do bị cáo cung cấp chỉ có các hóa đơn mua thuốc tự điều trị là 1.000.000đ, chi phí sửa chữa điện thoại 850.000đ là chi phí trực tiếp có căn cứ chấp nhận.

[5.2.2] Về thiệt hại gián tiếp: bị cáo không đi điều trị không có căn cứ chứng minh bị cáo do bị đánh không làm được việc nên các khoản yêu cầu này không được HĐXX chấp nhận.

[5.2.3] Về tiền bồi dưỡng sức khỏe bị thiệt hại và tổn thất tinh thần: bị hại Phạm Văn N đã có những lời lẽ kích động dẫn đến việc đôi bên cãi nhau, chủ động gây sự, xông đến đánh T gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bị cáo do đó yêu cầu này của bị cáo được HĐXX chấp nhận một phần là 3.000.000đ.

Tổng cộng các khoản được HĐXX chấp nhận là 4.850.000đ. bao gồm tiền bồi thường sức khỏe, tinh thần bị tổn hại; trong thời gian điều trị thương tích; chi phí mua thuốc điều trị và tiền sửa chữa điện thoại của bản thân bị hư hỏng.

[5.3] Quan điểm của Kiểm sát viên về tính tỷ lệ lỗi khi bồi thường là phù hợp; tuy nhiên chưa tính đến khoản bồi thường do sức khỏe của bị hại bị giảm sút do đó đề xuất mức bồi thường chưa đảm bảo quyền lợi của bị hại. Vì vậy sau khi đối trừ nghĩa vụ thanh toán với bị hại N số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị

hại là:  $57.792.100 \text{ đ} - 4.850.000 \text{ đ} = 52.942.000 \text{ đ}$  mới phù hợp thực tế thiệt hại mà bị cáo đã gây ra. Do bị cáo đã bồi thường trước  $15.000.000 \text{ đ}$  còn phải bồi thường tiếp là  $52.942.000 \text{ đ} - 15.000.000 \text{ đ} = 37.942.000 \text{ đ}$ .

[6] Về xử lý vật chứng thu giữ: đối với 01 đôi dép loại một quai đế nhựa màu đen, quai màu nâu, chiếc dép bên trái bị đứt 01 bên quai chỉ còn một bên quai dính trên dép không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

[8] Căn cứ quy định tại điều 136 BLTTHS, 147 BLTTDS, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm; buộc bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[9] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 47 và 48 BLHS. Điều 106, 136 BLTTHS; Điều 147 và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14. Các Điều 584, 585, 586, 589, 592 BLDS

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Trần Duy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Phạt bị cáo Trần Duy T 18( mười tám ) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn B nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ thu nhập 5% của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn B nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

**2. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại Phạm Văn N thiệt hại về sức khỏe 37.142.000đ ngoài số tiền đã bồi thường trước.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

**3. Xử lý vật chứng:** tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép loại một quai đế nhựa màu đen, quai màu nâu, chiếc dép bên trái bị đứt 01 bên quai.

Bị hại Phạm Văn N được nhận số tiền 15.000.000đ do bị cáo T đã bồi thường trước hiện do chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý.

**4. Án phí:** Buộc bị cáo Trần Duy T phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 1.897.000đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị hại Phạm Văn N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã C, TT B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS&VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**